

GIÁO DỤC VỚI Ý THỨC QUỐC GIA - DÂN TỘC Ở CÁC TỘC NGƯỜI VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC¹

PGS.TS. Vương Xuân Tình
Viện Dân tộc học
Email: vxtinh56@yahoo.com

Tóm tắt: Ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới có vai trò quan trọng trong bảo vệ, xây dựng đất nước và liên quan chặt chẽ đến giáo dục. Bài viết này trình bày, phân tích ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người Hmông, Tày, Nùng và Lô Lô ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa bàn tỉnh Hà Giang, qua tìm hiểu nhận thức và thực thi của họ với các luật định về biên giới, qua nhận thức về chính sách dân tộc và biểu tượng văn hóa quốc gia. Nghiên cứu cho thấy, những người có học vấn từ tiểu học trở lên có nhận thức liên quan đến các vấn đề nêu trên tốt hơn so với người không đi học. Bởi vậy, dù điều kiện giáo dục hiện nay đã được cải thiện, song ở vùng biên giới vẫn cần duy trì chế độ bán trú cho học sinh, và tăng cường cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, điều kiện học tập ở các trường từ cấp mầm non đến cấp phổ thông. Với người lớn không biết chữ, cần có hình thức phù hợp trong tăng cường truyền thông bằng tiếng dân tộc thiểu số để họ nâng cao ý thức quốc gia - dân tộc.

Từ khóa: Giáo dục, ý thức quốc gia - dân tộc, tộc người, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Abstract: The national consciousness of ethnic borderland residents plays a vital role in the protection and construction of the country and is closely related to education. This article presents and analyses the national consciousness of the ethnic groups Hmong, Tay, Nung, and Lo Lo in the Vietnam-China border area in Ha Giang province through understanding their awareness and compliance with border laws and their awareness of ethnic policies and national symbols. Research shows that people with primary education or higher are more aware of the above issues than those who did not attend school. Therefore, although the current educational condition has been improved, it is still necessary to maintain the semi-boarding school system for students and strengthen facilities, human resources, and learning conditions from preschool to high school in the border areas. For illiterate adults, it is necessary to strengthen communications in ethnic minority languages so that they can raise their national consciousness.

Keywords: Education, national consciousness, ethnic group, Vietnam-China border area.

Ngày nhận bài: 5/5/2022 ; ngày gửi phản biện: 6/5/2022; ngày duyệt đăng: 12/6/2022.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp bộ: “Ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình làm Chủ nhiệm năm 2021-2022.

Mở đầu

Ý thức quốc gia - dân tộc (Consciousness of nation - state) được hiểu là sự chia sẻ của các công dân gồm nhiều tộc người hay nhóm xã hội khác nhau về nhận thức, tình cảm, trách nhiệm đối với quốc gia - dân tộc và bản sắc văn hóa chung. Theo một số quan điểm và cách tiếp cận, ý thức quốc gia - dân tộc được xem đồng nghĩa với ý thức dân tộc (National consciousness). Các quốc gia trên thế giới đều quan tâm đến ý thức quốc gia - dân tộc, vì đó là cơ sở, nguồn lực tinh thần rất quan trọng để xây dựng và bảo vệ đất nước. Ở Việt Nam, dù còn có ý kiến khác nhau về thời điểm ra đời của dân tộc Việt Nam, song đều chung quan điểm ý thức về một quốc gia độc lập đã hình thành từ sớm, đặc biệt trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ thế kỷ XX đến nay thì ý thức quốc gia - dân tộc càng được đề cao.

Để xây dựng và phát triển ý thức quốc gia - dân tộc, có rất nhiều yếu tố liên quan, kể từ thể chế, luật pháp, quản trị xã hội, giáo dục, truyền thông, văn học, nghệ thuật, thể thao, thương mại,... Trong các yếu tố đó, giáo dục có vị trí đặc biệt, bởi tương tác với hầu hết các yếu tố khác, nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Ở các giai đoạn trước đây, khi xã hội còn kém phát triển, việc xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc chủ yếu dựa trên nền tảng tổ chức, quản trị xã hội và tuyên truyền đơn tuyến (một chiều). Song đến nay, trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật và truyền thông đa chiều, nhất là với sự can dự của internet, việc xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc không thể dựa trên cơ sở một nền giáo dục thấp kém. Bởi vậy, trong chiến lược ưu tiên hàng đầu cho giáo dục, nhiều quốc gia không chỉ hướng đến mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực, mà còn bao hàm cả việc xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc. Việt Nam cũng không ngoài xu thế đó.

Trong quá trình xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc, cư dân tại vùng biên là nhóm xã hội luôn được các nước quan tâm, do vùng này là nơi nhạy cảm về chính trị và quốc phòng, an ninh. Trong lịch sử cổ trung đại, cận hiện đại Việt Nam, các cuộc chiến tranh hay xung đột tại vùng biên bao giờ cũng có những vấn đề liên quan đến ý thức quốc gia - dân tộc. Để góp phần xem xét vấn đề xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc ở vùng biên, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu về giáo dục với ý thức đó của cư dân một số tộc người tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, qua địa bàn tỉnh Hà Giang.

1. Đôi nét về nghiên cứu vấn đề giáo dục với ý thức quốc gia - dân tộc

Như đã trình bày, ý thức quốc gia - dân tộc (hay ý thức dân tộc) là vấn đề được các quốc gia rất quan tâm trong quá trình xây dựng, bảo vệ đất nước. Trên thế giới thời kỳ hiện đại, có hai giai đoạn lịch sử mà ý thức dân tộc đặc biệt được chú trọng, đó là giai đoạn sau Chiến tranh thế giới lần thứ II (còn gọi là giai đoạn hậu thực dân) và khi Liên Xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu (cũ) tan rã. Ở các giai đoạn này, do xuất hiện hàng loạt quốc gia độc lập mới, yêu cầu xây dựng ý thức dân tộc càng được đề cao (Vương Xuân Tình, 2019, tr. 25-48).

Trong nghiên cứu “National-Consciousness Goals and Realities in South and East Asian Education” (Mục tiêu và thực trạng ý thức dân tộc trong giáo dục của các nước khu vực Đông và Nam Á), Tarvin và Faraj (1989) đã nêu các nhận định đáng lưu ý về mối quan hệ của giáo dục với xây dựng ý thức dân tộc tại những quốc gia này, như ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Phillipines, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Pakistan và Ấn Độ. Những quốc gia nêu trên, khởi đầu trong giáo dục chỉ chú trọng phát triển về số lượng (mở nhiều trung tâm xóa mù chữ và trường tiểu học), bởi xây dựng được hệ thống giáo dục quốc gia sẽ phát huy bản sắc dân tộc. Theo đó, các quốc gia đều có chương trình giảng dạy thống nhất. Trong chương trình này, các lĩnh vực như học thuyết chính trị, niềm tin tôn giáo, ngôn ngữ phổ thông rất được quan tâm. Mặt khác, chính phủ còn mở rộng kiểm soát giáo dục qua thiết lập quản lý hành chính trong giáo dục phổ thông, đảm bảo tài chính cho giáo dục và trao quyền nhưng có kiểm soát với hệ thống giáo dục tư nhân. Sau nữa, chính phủ đều cố gắng đưa các nhóm dân tộc thiểu số cư trú ở khu vực nông thôn thuộc vùng sâu vùng xa vào hệ thống giáo dục quốc gia. Như vậy, nền giáo dục của những nước ở Đông và Nam Á vào các thập niên từ 1940-1980 đều chú trọng xây dựng bản sắc dân tộc, gắn với ý thức quốc gia - dân tộc.

Theo Sim và Murray Print (2005, pp. 58-73), Ryan và Rossi (2006), xây dựng ý thức dân tộc cũng được Singapore rất coi trọng qua thiết lập chương trình giáo dục quốc gia, trong đó có quan tâm đến giáo dục công dân, với 4 mục tiêu chính: Nuôi dưỡng ý thức, lòng tự hào và tự tôn là người Singapore; Hiểu được Singapore đã thành công trong giải trừ xung đột; Hiểu được những thách thức, cản trở và tổn thương riêng của Singapore; Truyền cảm hứng những giá trị cơ bản trong đời sống của người Singapore và tin tưởng vào sự thắng lợi, thành công, hạnh phúc. Ở Indonesia, cũng có chương trình giáo dục công dân nhằm nuôi dưỡng lòng yêu nước để tạo nên sự trung thành của công dân với đất nước (Nurdin and Dahliyana, 2017, pp. 427-431).

Tại châu Phi, có thể lấy ví dụ về Ghana. Xung đột sắc tộc ở nước này cũng như nhiều quốc gia cùng châu lục khiến nhu cầu xây dựng một quốc gia - dân tộc thống nhất vô cùng cấp thiết. Theo Osman và Mensah (2020), những thanh niên bị lôi cuốn vào bạo lực và các tệ nạn khác phần nào do không được dạy đầy đủ những vấn đề cơ bản như văn hóa, dân chủ, tôn giáo, lòng khoan dung, đoàn kết dân tộc. Bởi vậy, cần tăng cường giáo dục quyền công dân ở Ghana, và điều này có ý nghĩa quyết định trong bồi dưỡng ý thức đoàn kết của học sinh và trong xây dựng đất nước. Theo đó, bồi dưỡng kiến thức về xã hội là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống giáo dục, là điều bắt buộc đối với tất cả học sinh các cấp. Trên cơ sở ấy, giáo dục sẽ góp phần tăng cường ý thức, đoàn kết dân tộc và phát triển quốc gia. Tóm lại, giáo dục các môn thuộc khoa học xã hội ngoài cung cấp tri thức thì chủ yếu nhằm giáo dục ý thức công dân.

Trong số các nước trên thế giới, Mỹ cũng là nước rất coi trọng ý thức dân tộc, bởi đây là quốc gia của những người nhập cư. Với bối cảnh các nhóm cư dân có nguồn gốc chủng tộc,

tộc người và văn hóa khác nhau đến sinh sống, nước Mỹ cần có sự thống nhất của công dân, trước hết là thống nhất về ý thức dân tộc. Sự thống nhất này được thực hiện qua tư tưởng đồng hóa yêu nước (Patriotic assimilation), hay còn gọi là Mỹ hóa (Americanization). Brandeis (2015a) cho rằng, chính sách giáo dục của Mỹ với người nhập cư gồm ba bước: Đảm bảo cho học sinh nhóm thiểu số tham gia vào hệ thống giáo dục quốc gia; Học sinh được giáo dục sẽ có lợi ích kinh tế (việc làm); Tái khẳng định bản sắc văn hóa của nhóm thiểu số. Còn theo Fonte (2015), tổng thống Roosevelt từng tuyên bố: “Chúng ta chỉ có chỗ cho một lá cờ, đó là lá cờ Mỹ,... Chúng ta chỉ có chỗ cho một ngôn ngữ, đó là tiếng Anh,... Chúng ta chỉ có chỗ cho một lòng trung thành của tâm hồn, đó là trung thành với dân tộc Mỹ”. Trong một nghiên cứu liên quan đến ý thức dân tộc, có câu hỏi với các bậc bố mẹ là người nhập cư ở Mỹ: “Ông/bà chọn ưu tiên nào sau đây: Dạy con mình tự hào là người của đất nước này, hiểu biết về quyền và trách nhiệm công dân; Đề cao giá trị, bản sắc tộc người của mình?”. Kết quả: có 79% số người chọn ưu tiên thứ nhất, và có 18% chọn ưu tiên thứ hai.

Tuy nhiên, với người dân ở các nước nơi họ xuất cư có mối quan hệ phức tạp với Mỹ, đặc biệt là các quốc gia Nam Mỹ, việc đồng hóa lòng yêu nước vẫn có những thách thức. Theo Brandeis (2015b), một nghiên cứu về quá trình ý thức quốc gia - dân tộc của 5.000 trẻ em là con cái của những người nhập cư từ Mexico hay Philippines vào giữa những năm 1990 cho thấy, mặc dù được giáo dục trên đất Mỹ, từ lớp 9 với khoảng 13 tuổi và 4 năm sau, khi đã 17 tuổi, các học sinh này vẫn muốn tự nhận mình là người Mexico và người Philippines hơn là người Mỹ gốc Mexico, người Mỹ gốc Philippines. Dựa vào quyền tự do dân chủ ở Mỹ, tại nhiều trường học ở California và phía Tây Nam nước này, học sinh Mỹ gốc Latinh còn được học với các giáo viên đào tạo từ Mexico và sử dụng cả sách giáo khoa của Mexico. Từ Los Angeles Times cho biết, một số lớp học ở Mỹ thậm chí treo cờ Mexico chứ không phải cờ Mỹ.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về giáo dục với ý thức quốc gia - dân tộc chưa được các học giả quan tâm, mặc dù trong biên soạn các công trình về văn học, lịch sử, địa lý, giáo dục công dân đều hướng tới ý thức này. Gần đây, trong một đề xuất về tiếp cận nghiên cứu ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới, Vương Xuân Tình và Lê Minh Anh (2021, tr. 83-115) đã cho rằng cần quan tâm đến nhận thức về biên giới, lãnh thổ; nhận thức về chính trị; và nhận thức về pháp luật liên quan đến biên giới, chủ quyền lãnh thổ. Để tăng cường nhận thức đó, vai trò của giáo dục rất quan trọng.

2. Ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là nơi thách thức khốc liệt chủ quyền quốc gia của Việt Nam, bởi bên kia biên giới là các đế chế có tiềm lực to lớn về mọi phương diện, dù lúc mạnh lúc yếu song chưa bao giờ từ bỏ âm mưu và hành động mở rộng bờ cõi, thu phục lân bang bằng chiến tranh xâm lược. Chỉ tính từ thế kỷ X - thời kỳ độc lập sau 1.000 năm Bắc thuộc đến nay, các đế chế của Trung Quốc đã phát động

gần 20 cuộc chiến tranh lớn xâm lược Việt Nam; ngoài ra không kể rất nhiều cuộc xung đột do họ gây nên ở vùng biên giới, thời nào cũng có. Tuy nhiên, để phòng vệ chủ động, đáp trả hoặc lấy lại đất đai mà các vương triều Trung Quốc đã xâm chiếm, các vương triều Việt Nam cũng nhiều lần đánh sang đất Trung Quốc. Theo Trần Hưng (2022), từ thời Tiền Lê đến Hậu Lê, đã có 15 cuộc tấn công của các triều đại phong kiến Việt Nam sang Trung Quốc, trong đó thời Tiền Lê có 2 cuộc (đều vào năm 995); thời nhà Lý - 5 cuộc (1022, 1052, 1059, 1060, 1076); thời nhà Trần - 6 cuộc (1241 có 2 cuộc, 1242, 1266, 1285, 1313); thời Hậu Lê - 2 cuộc (1438, 1480). Những cuộc tấn công này hầu hết ở quy mô nhỏ, thuộc phạm vi xung đột biên giới.

Từ bối cảnh nêu trên, việc xây dựng ý thức độc lập, tự chủ - nền tảng quan trọng của ý thức dân tộc được các chính quyền ở Việt Nam từ thời phong kiến đến nay rất coi trọng. Ngay từ thời phong kiến, điển hình cho ý thức này phải kể tới lời truyền của Lê Thánh Tông. Năm 1473, nhà vua đã dụ Thái bảo, Kiến dương bá Lê Cảnh Huy - người lãnh nhiệm vụ đàm phán việc bang giao và biên giới với nhà Minh, rằng: “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào nên vứt bỏ? Người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước, một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di” (Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, 2011, tr. 457). Hay vào thời Nguyễn, trong cuộc đàm phán về mốc giới với nhà Thanh, vua Gia Long đã chỉ đạo các quan trấn Yên Quảng kiên quyết không lùi một tấc đất ở phố Thác Mang (nay thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh) cho nhà Thanh; đồng thời cho đổi tên sông Thác Mang thành "sông Gia Long" mà tiếng *Pạc Và* đọc là *Ka Long*, để khẳng định mốc giới của nước Nam (dẫn theo Bùi Xuân Đính, 2020, tr. 169-182). Còn trong cuộc chiến tranh biên giới năm 1979, ý thức quốc gia - dân tộc không chỉ thể hiện sâu sắc ở Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chống quân Trung Quốc xâm lược, mà còn trong rất nhiều lĩnh vực như truyền thông, khoa học, văn chương, nghệ thuật.

Trên nền tảng ý thức độc lập tự chủ của quốc gia trong lịch sử, ý thức về quốc gia - dân tộc của người dân Việt Nam nói chung, của cư dân vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói riêng càng được bồi đắp ở thời kỳ đương đại. Tuy nhiên như đã trình bày, các hoạt động thực tiễn liên quan đến vấn đề này rất phong phú, song việc nghiên cứu lại hạn chế. Mặt khác, ý thức quốc gia - dân tộc thường được khơi dậy mạnh mẽ khi có chiến tranh, song trong hòa bình vẫn cần được vun đắp. Kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp bộ về “Ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang” do cán bộ Viện Dân tộc học thực hiện đã chỉ ra điều đó. Đề tài tiến hành nghiên cứu ở 4 tộc người là Tày, Nùng, Hmông và Lô Lô tại 4 xã biên giới thuộc 3 huyện: Vị Xuyên, Yên Minh và Đồng Văn. Ngoài phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, Đề tài còn điều tra 340 phiếu ở 4 tộc người. Việc trình bày và phân tích về ý thức quốc gia - dân tộc ở cư dân vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay chủ yếu dựa trên kết quả nghiên cứu đã nêu.

Để tìm hiểu ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới, có rất nhiều chỉ báo, song do dung lượng hạn chế của bài viết, chúng tôi chỉ tập trung trình bày và phân tích một số yếu tố liên quan đến nhận thức và thực thi của họ, đó là về luật định ở vùng biên, những chính sách của Nhà nước đang được thực hiện, và các biểu tượng văn hóa quốc gia.

Có thể nói, việc hiểu biết và thực thi các luật định ở vùng biên có vị trí rất quan trọng trong ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân nơi đây. Song, việc tham gia phổ biến luật pháp về quản lý biên giới của người dân là không nhiều: cao nhất là dân tộc Nùng cũng chỉ có 36 người, chiếm 59,0%; và chỉ số tương tự ở dân tộc Hmông là 51 và 40,5%; dân tộc Tày - 25 và 30,9%; dân tộc Lô Lô - 19 và 26,4% (xem Bảng 1). Việc người dân tham gia không nhiều các cuộc phổ biến luật định về biên giới có thể giải thích là do khi tổ chức thường chỉ có đại diện các hộ gia đình tới dự, và người đó phải biết tiếng phổ thông.

Bảng 1: Hiểu biết và thực thi các luật định về biên giới

Chỉ báo	Hmông		Tày		Nùng		Lô Lô	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tham gia phổ biến luật định về quản lý biên giới	51	40,5	25	30,9	36	59,0	19	26,4
Tham gia tuần tra biên giới	44	34,9	12	14,8	22	36,1	13	18,1
Có chiến tranh sẽ tham gia bảo vệ biên giới	107	84,9	75	92,6	57	93,4	67	93,1

Nguồn: Kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021 và 2022.

Kết quả điều tra còn cho thấy, số người từng tham gia tuần tra bảo vệ biên giới không cao: ở dân tộc Nùng có 22 người, chiếm 36,1%; dân tộc Hmông - 44 và 34,9%; dân tộc Tày - 12 và 14,8%; dân tộc Lô Lô - 13 và 18,1%. Nguyên nhân của thực tế này là do hiện nay việc tham gia tuần tra biên giới của địa phương với bộ đội biên phòng thuộc nhiệm vụ của lực lượng dân quân. Tùy theo số dân, mỗi thôn bản được khảo sát thường chỉ có khoảng trên dưới 10 dân quân, mỗi lần đi tuần tra cũng chỉ có 4-5 người. Tuy nhiên, khi được hỏi “Nếu chiến tranh xảy ra, ông/bà có tham gia bảo vệ biên giới hay không ?” thì tỷ lệ trả lời “có” rất cao: ở dân tộc Nùng là 57 người, chiếm 93,4%; dân tộc Lô Lô: 67 và 93,1%; dân tộc Tày: 75 và 92,6%; dân tộc Hmông: 107 và 84,9%. Còn những người không trả lời câu hỏi này đều do tuổi tác cao.

Để phát triển tại vùng dân tộc thiểu số, Đảng và Nhà nước Việt Nam có nhiều chương trình, chính sách (Vương Xuân Tình, 2015, tr. 17-27), và những chính sách này có quan hệ

chặt chẽ với ý thức quốc gia - dân tộc. Bởi vậy, việc hiểu biết các chính sách đó ở nơi thực thi và người dân được thụ hưởng chính sách là rất cần thiết. Bảng 2 phản ánh việc hiểu biết của người dân về một số chính sách quan trọng được triển khai trong nhiều năm qua tại địa phương của họ.

Bảng 2: Hiểu biết về các chính sách của người dân

Chỉ báo	Hmông		Tày		Nùng		Lô Lô	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Chương trình 135	55	43,7	33	40,7	41	67,2	43	59,7
Giao đất giao rừng	41	32,5	18	22,2	23	27,7	29	40,3
Vay vốn tín dụng hộ nghèo	58	46,0	35	43,2	28	45,9	40	55,6
Xây dựng nông thôn mới	75	59,5	67	82,7	56	91,8	56	77,8
Hỗ trợ học sinh bán trú	52	41,3	39	48,1	33	54,1	42	58,3
Tiêm chủng	88	69,8	60	74,1	46	75,4	53	73,6

Nguồn: Kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021 và 2022.

Qua Bảng 2 cho thấy sự hiểu biết về một số chính sách của người dân, trong đó cao nhất là với chính sách xây dựng nông thôn mới: ở dân tộc Nùng có 56 người, chiếm 91,8%; tương tự dân tộc Tày là 67 và 82,7%; Lô Lô - 56 và 77,8%; Hmông - 75 và 59,7%. Chính sách tiêm chủng cho trẻ em cũng được nhiều người biết đến (Nùng: 46 và 75,4%; Tày: 60 và 74,1%; Lô Lô: 53 và 73,6%; Hmông: 88 và 69,8%). Còn với Chương trình 135, đến nay đã được triển khai hơn 20 năm ở vùng dân tộc thiểu số và hầu như gia đình nào cũng được thụ hưởng, không trực tiếp cũng gián tiếp, song tỷ lệ hiểu biết về Chương trình này lại hạn chế: cao nhất ở dân tộc Nùng với 41 người, chiếm 67,2%; và thấp nhất ở dân tộc Tày với 33 người, chiếm 40,7%. Với các chính sách giao đất giao rừng, vay vốn tín dụng hộ nghèo, hỗ trợ học sinh dân tộc bán trú..., cũng chỉ trên dưới 50% số người được hỏi có biết.

Hiểu biết về các biểu tượng văn hóa quốc gia cũng là một chỉ báo về ý thức quốc gia - dân tộc. Trong nghiên cứu này, Đề tài đã điều tra sự hiểu biết đó liên quan đến nhiều biểu tượng, song ở đây chỉ dẫn ví dụ với sự hiểu biết của người dân về Quốc ca, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội và Cách mạng tháng Tám năm 1945 (xem Bảng 3).

Bảng 3: Hiểu biết về các biểu tượng văn hóa quốc gia

Chỉ báo	Hmông		Tày		Nùng		Lô Lô	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Quốc ca	68	54,0	65	80,2	54	88,5	49	68,1

Bác Hồ là lãnh tụ của Việt Nam	82	65,1	74	91,4	61	100,0	65	90,3
Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam	65	51,6	66	81,5	54	88,5	56	77,8
Cách mạng tháng Tám năm 1945	34	27,0	53	65,4	43	70,5	32	44,4

Nguồn: Kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021 và 2022.

Kết quả điều tra trên đây cho thấy, tỷ lệ biết Chủ tịch Hồ Chí Minh (Bác Hồ) là lãnh tụ của dân tộc Việt Nam rất cao: với 61 người, chiếm tỉ lệ 100% ở dân tộc Nùng; tương tự, dân tộc Tày là 74 và 91,4%; dân tộc Lô Lô: 65 và 90,3%; dân tộc Hmông: 82 và 65,1%. Biết về Quốc ca, cao nhất vẫn là ở dân tộc Nùng (54 và 88,5%), tiếp đến là dân tộc Tày (65 và 80,2%), dân tộc Lô Lô (49 và 68,1%), dân tộc Hmông (68 và 54,0%). Biết Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam cũng chiếm tỉ lệ khá cao: cao nhất vẫn là ở dân tộc Nùng (54 và 88,5%), còn thấp nhất là ở dân tộc Hmông (65 và 51,6%). Tuy nhiên, biết về Cách mạng tháng Tám năm 1945 chỉ ở mức khá với dân tộc Nùng (43 và 70,5%), mức trên trung bình với dân tộc Tày (53 và 65,4%), mức dưới trung bình với dân tộc Lô Lô (32 và 44,4%), và mức rất thấp với dân tộc Hmông (34 và 27,0%).

Việc biết về các biểu tượng văn hóa quốc gia ở các tộc người nêu trên vẫn chưa vượt kết quả lần điều tra của Vương Xuân Tình và cộng sự vào năm 2011 và 2012 ở các tộc người thuộc vùng biên giới của Việt Nam, đó là với dân tộc Tày, Nùng (tỉnh Lạng Sơn), Khơ-mú, Hmông (Nghệ An), Khơ-me và Chăm (An Giang) (Vương Xuân Tình chủ biên, 2014, tr. 129-149).

3. Vai trò của giáo dục với ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Ý thức quốc gia - dân tộc có mối quan hệ chặt chẽ với giáo dục. Để làm rõ vai trò của giáo dục với ý thức đó, trong mục này, trước hết chúng tôi phân tích sự tương tác giữa giáo dục với việc hiểu biết các luật định về biên giới, các chính sách và biểu tượng văn hóa quốc gia. Ở đây, giáo dục được xem xét trong phạm vi người trả lời câu hỏi có trình độ ở bậc giáo dục phổ thông hay trung cấp, cao đẳng, đại học.

Xem xét về những người hiểu được nội dung khi tham gia phổ biến luật định quản lý biên giới cho thấy, ở dân tộc Tày chỉ có 1/25 người (chiếm 4,1%) không đi học; tương tự, dân tộc Lô Lô là 1/18 người (5,6%), dân tộc Hmông - 10/43 người (23,3%), còn dân tộc Nùng thì không có. Như vậy, ở ba tộc người Nùng, Tày và Lô Lô, tất cả hay hầu hết những người hiểu được nội dung luật định đều có trình độ học vấn từ tiểu học trở lên. Ở đây, chỉ có hai người của dân tộc Tày, Lô Lô và 10 người của dân tộc Hmông là không đi học nhưng vẫn hiểu được. Điều đó có thể giả định rằng, những người này biết tiếng phổ thông và có

kinh nghiệm công tác hay kinh nghiệm cuộc sống. Có thể lấy trường hợp ông Ma Văn L., 57 tuổi, dân tộc Hmông ở thôn Ngải Thầu, xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên làm ví dụ. Ông L. không biết chữ, song từng làm bí thư chi bộ thôn, và có thể trao đổi với chúng tôi mọi vấn đề của địa phương bằng tiếng phổ thông. Tuy nhiên, cần coi đây là trường hợp đặc biệt; còn nói chung, có thể khẳng định giáo dục có mối quan hệ rất sâu sắc với nhận thức về chính sách và các vấn đề khác. Bảng 4 phản ánh mối quan hệ của trình độ học vấn với việc biết về Chương trình 135.

Bảng 4: Trình độ học vấn của những người biết Chương trình 135

Chỉ báo		Không đi học	Tiểu học	THCS	THPT	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Tổng số	
Dân tộc	Hmông	SL	13	11	20	8	1	1	1	55
		%	23,6%	20,0%	36,4%	14,5%	1,8%	1,8%	1,8%	100%
	Tày	SL	3	7	7	10	4	0	2	33
		%	9,1%	21,2%	21,2%	30,3%	12,1%	0,0%	6,1%	100%
	Nùng	SL	1	17	14	9	0	0	0	41
		%	2,4%	41,5%	34,1%	22,0%	0,0%	0,0%	0,0%	100%
	Lô Lô	SL	10	10	11	10	1	1	0	43
		%	23,3%	23,3%	25,6%	23,3%	2,3%	2,3%	0,0%	100%
Tổng số		SL	27	45	52	37	6	2	3	172
		%	15,7%	26,2%	30,2%	21,5%	3,5%	1,2%	1,7%	100%

Nguồn: Kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021 và 2022.

Như vậy, với Chương trình 135 - Chương trình được triển khai từ hơn 20 năm trước ở vùng dân tộc thiểu số nên có tới 27/172 người của 4 dân tộc được điều tra biết Chương trình này dù không đi học, trong đó nhiều nhất vẫn là dân tộc Hmông - với 13 người, kế tiếp là dân tộc Lô Lô - 10 người, số còn lại có 3 người thuộc dân tộc Tày và 1 người của dân tộc Nùng. Song, tổng số người không đi học mà vẫn biết Chương trình 135 chỉ chiếm 15,7%, số người còn lại đều có trình độ từ tiểu học trở lên. Khảo sát thêm sự hiểu biết với Chương trình giao đất giao rừng cho thấy, số người biết chương trình này của 4 dân tộc đã nêu nhưng không đi học là 22/111 người (chiếm 19,8%); tương tự, với Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú có 26/166 người (15,7%), còn Chính sách với người có uy tín - 16/90 người (17,8%). Trong số những người không đi học đã nêu, dân tộc Hmông và Lô Lô vẫn chiếm số đông.

Khảo sát sự hiểu biết về các biểu tượng văn hóa quốc gia, Bảng 3 cho thấy sự hiểu biết đó của người dân về Quốc ca, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội là khá cao, chỉ có số người biết về Cách mạng tháng Tám ở dân tộc Hmông và dân tộc Lô Lô còn thấp (27,0% và 44,4%). Bởi vậy, trong lĩnh vực này chúng tôi sẽ xem xét thêm trường hợp hiểu biết về các Vua Hùng. Kể từ khi Nhà nước Việt Nam quy định ngày giỗ tổ Hùng Vương (mùng 10

tháng Ba âm lịch) là quốc lễ, càng khẳng định Hùng Vương là biểu tượng của văn hóa quốc gia Việt Nam. Song khi điều tra phiếu hỏi, chỉ có 33 người của dân tộc Nùng, chiếm tỉ lệ 54,1% biết Hùng Vương; tương tự, chỉ số ấy ở dân tộc Tày là 39 và 48,1%; dân tộc Lô Lô: 29 và 40,3%; dân tộc Hmông: 12 và 9,5%. Bảng 5 phản ánh mối quan hệ của trình độ học vấn với hiểu biết về các Vua Hùng.

Bảng 5: Trình độ học vấn của những người biết Hùng Vương

Chỉ báo		Không đi học	Tiểu học	THCS	THPT	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Tổng số	
Dân tộc	Hmông	SL	3	4	19	5	1	1	1	34
		%	8,8%	11,8%	55,9%	14,7%	2,9%	2,9%	2,9%	100,0%
	Tày	SL	2	15	10	20	4	0	2	53
		%	3,8%	28,3%	18,9%	37,7%	7,5%	0,0%	3,8%	100,0%
	Nùng	SL	0	12	18	13	0	0	0	43
		%	0,0%	27,9%	41,9%	30,2%	0,0%	0,0%	0,0%	100,0%
	Lô Lô	SL	2	5	12	11	1	1	0	32
		%	6,2%	15,6%	37,5%	34,4%	3,1%	3,1%	0,0%	100,0%
Tổng số		SL	7	36	59	49	6	2	3	162
		%	4,3%	22,2%	36,4%	30,2%	3,7%	1,2%	1,9%	100,0%

Nguồn: Kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021 và 2022.

Bảng 5 đã chỉ ra, số người biết Hùng Vương nhưng không đi học rất ít, với 7/162 người của 3 dân tộc (dân tộc Nùng không có), chiếm 4,3%. Số người biết nhiều hơn thuộc trình độ trung học cơ sở và trung học phổ thông. Số người được điều tra có học vấn trên những trình độ này rất ít nên không thể hiện được mối quan hệ. Nhìn lại cho thấy, vai trò của giáo dục với xây dựng và phát triển ý thức quốc gia - dân tộc là rất rõ ràng. Tất nhiên trong nhận thức liên quan đến ý thức đó còn có đóng góp của nhiều yếu tố khác như thiết chế chính trị hay văn hóa, truyền thông. Chẳng hạn với hình tượng, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, do được truyền thông và chuyển tải thường ngày trên nhiều phương diện như báo, đài phát thanh, tivi, khẩu hiệu, sách, tượng đài, tranh ảnh, bài hát, hội nghị, hội diễn, tiền tệ lưu thông... nên không ít người mù chữ vẫn biết. Tuy nhiên, liên quan đến ý thức quốc gia - dân tộc, còn rất nhiều yếu tố truyền thông không thể chuyển tải được ở mức độ như vậy, nên người dân phải có trình độ học vấn nhất định mới tiếp thu được.

Nhìn chung, những người hiểu biết các chính sách và biểu tượng văn hóa quốc gia có trình độ học vấn từ tiểu học trở lên chủ yếu ở nhóm tuổi được sinh ra từ năm 1970-1999. Đây là nhóm tuổi được hưởng thành tựu giáo dục tốt hơn so với thế hệ trước, và cũng đã có trải nghiệm. Mặt khác, so sánh giữa hai giới nam và nữ, nam giới hiểu biết chính sách và các biểu tượng văn hóa quốc gia nhiều hơn nữ giới. Chẳng hạn, về hiểu biết Chương trình 135, ở dân tộc Tày có 32 người thì nam chiếm 20 người (20/32), tức 62,5%. Tương tự, chỉ số ấy ở dân tộc Hmông là 39/42 và 92,8%; dân tộc Nùng - 31/39 và 79,5%; dân tộc Lô Lô - 25/33 và 75,7%. Hiểu biết về Cách mạng tháng Tám, ở dân tộc Tày không có sự cách biệt đáng kể giữa nam và nữ: trong số 51 người có trình độ học vấn từ tiểu học trở lên biết về cuộc cách mạng này, nam giới có 26 người, còn nữ giới - 25 người. Song, với dân tộc Hmông, sự cách biệt đó lại rất lớn: trong tổng số 22 người có trình độ học vấn từ tiểu học trở lên biết về Cách mạng tháng Tám, có 18 người nam (18/22), chiếm 81,8%. Tương tự, chỉ số ấy ở dân tộc Nùng là 34/42 và 80,9%; dân tộc Lô Lô - 21/29 và 72,4%. Sự chênh lệch về mức độ hiểu biết các vấn đề nêu trên còn phụ thuộc số lượng nam giới được điều tra phiếu ở 4 dân tộc nhiều hơn nữ giới (23,6%), nhưng vẫn không phủ nhận được cách biệt về nhận thức giữa hai giới. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng này chính là sự khác biệt về học vấn của nam và nữ.

Trong mấy chục năm qua, giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số nói chung, vùng biên giới nói riêng đã có nhiều thay đổi. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, năm 1960 có 54,3% cư dân từ 6 tuổi trở lên chưa biết chữ. Đến năm 1979, tỉ lệ này giảm chỉ còn 28,1%; song đến năm 1989, do ảnh hưởng của chiến tranh và xung đột biên giới Việt Nam - Trung Quốc kéo dài hàng thập kỷ nên số cư dân từ 10 tuổi trở lên chưa biết chữ lại tăng chiếm tới 32,7%. Vào đầu những năm 1990, tỉ lệ mù chữ ở người Tày là 13%, người Nùng - 23%, người Hmông - 88%. Ngoài một số trường chuyên, lớp chọn, nói chung chất lượng học sinh dân tộc thiểu số ở mức thấp. Tình trạng “ba năm vỡ lòng”, học sinh lớp 2 chưa thuộc hết chữ cái, lớp 4, lớp 5 chưa đọc thông viết thạo là phổ biến (Bế Viết Đăng chủ biên, 1996, tr. 167-174). Vào năm học 1999-2000, cả nước vẫn có tới 1 triệu học sinh ở độ tuổi đến trường nhưng không đi học, trong đó chủ yếu là con em dân tộc thiểu số. Càng lên các lớp cao, học sinh bỏ học càng nhiều. Năm học 1994-1995, cả huyện Mèo Vạc của tỉnh Hà Giang chỉ có 1 lớp 12 với 17 học sinh (Bui The Cuong and Vuong Xuan Tinh, 2000, p. 33, 48). Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, số học sinh dân tộc Hmông ở huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang bỏ học ở độ tuổi 6-10 là 133 em, độ tuổi 11-14 là 515 em, độ tuổi 15-17 là 517 em (dẫn theo Nguyễn Ngọc Thanh chủ biên, 2012, tr. 213). Nghiên cứu hồi cố trên thực địa của chúng tôi cũng xác định thêm tình trạng này. Với phụ nữ dân tộc Hmông và Lô Lô ở độ tuổi từ khoảng 30 trở lên, rất ít người biết chữ, số nam giới ở độ tuổi này mù chữ cũng không hiếm. Còn với tộc người Tày và Nùng, số người bị mù chữ ở độ tuổi đã nêu ít hơn.

Khoảng một thập kỷ trở lại đây, giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, trong đó có vùng biên giới ngày càng được cải thiện. Tính đến năm 2020, toàn tỉnh Hà Giang có 823 trường và

cơ sở giáo dục, trong đó có 13 trường phổ thông dân tộc nội trú, 177 trường phổ thông dân tộc bán trú. Mạng lưới giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông đã bao phủ hết các cấp hành chính: thôn/bản có lớp mầm non, xã có trường tiểu học và phổ thông cơ sở, huyện hay cụm xã có trường phổ thông trung học. Theo đó, tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 99,6% chỉ tiêu kế hoạch, huy động trẻ từ 6-14 tuổi đến trường đạt 99,0% kế hoạch, huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung học phổ thông và tương đương đạt 68,3% (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang, 2020). Trong quá trình điền dã, chúng tôi phỏng vấn một số học sinh từ lớp 1 đến lớp 3 của dân tộc Nùng và Lô Lô, thấy trình độ tiếng phổ thông của các em đã trôi chảy, trong khi ở gia đình các em vẫn sử dụng tiếng dân tộc mình; phỏng vấn các em học sinh lớp 6 đến lớp 9 của dân tộc Hmông và Tày, thấy các em hiểu biết tốt về biểu tượng văn hóa quốc gia (Quốc ca, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, Cách mạng tháng Tám năm 1945). Thách thức lớn nhất cho giáo dục phổ thông ở vùng biên giới hiện nay là nếu không còn chính sách cho học sinh bán trú của xã đạt chuẩn nông thôn mới, sẽ ảnh hưởng đến các học sinh có nhà xa trường và tỉ lệ bỏ học, nghỉ học chắc chắn sẽ gia tăng.

Kết luận

Ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới rất quan trọng, vì liên quan chặt chẽ với chủ quyền và phát triển của quốc gia. Ý thức đó luôn được kiến tạo, kết nối chặt chẽ giữa lịch sử và hiện tại. Để xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc, cần rất nhiều yếu tố, trong đó giáo dục được coi là yếu tố có tính nền tảng. Hệ thống và nội dung chương trình giáo dục thống nhất, có lưu ý đến một số khía cạnh đặc thù của vùng và tộc người ở Việt Nam hiện nay sẽ có tác dụng sâu sắc đến ý thức quốc gia - dân tộc của người dân. Bên cạnh đó, các tri thức của giáo dục, trước hết là giáo dục phổ thông không chỉ giúp người học trong kiếm tìm sinh kế mà còn tạo điều kiện cho họ tiếp nhận thêm nguồn thông tin khác, nâng cao hiểu biết để gia tăng ý thức quốc gia - dân tộc.

Trước đây, điều kiện giáo dục của cư dân vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa bàn tỉnh Hà Giang rất khó khăn, đặc biệt với các tộc người ở vùng cao như Hmông hay Lô Lô. Đến nay, không ít người, nhất là phụ nữ ở tầm tuổi 30 trở lên vẫn còn mù chữ, không biết tiếng phổ thông, hoặc biết ở mức hạn chế. Điều đó ảnh hưởng đến nhận thức của họ về chính sách dân tộc, chính sách ở vùng biên; ảnh hưởng đến sự tiếp nhận biểu tượng văn hóa quốc gia. Nhờ điều kiện kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số được cải thiện, sự nghiệp giáo dục của cư dân vùng biên hiện nay đã phát triển hơn trước. Song, để giáo dục ở vùng này phát triển bền vững, cần có chính sách đặc thù; và theo đó cần duy trì chế độ bán trú cho học sinh, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, điều kiện học tập ở các trường từ cấp mầm non đến phổ thông. Mặt khác, với người lớn không biết chữ, cần phát triển một số hình thức truyền thông phù hợp bằng tiếng dân tộc thiểu số, giúp họ tăng cường ý thức quốc gia - dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Brandeis, Louis (2015a), *To "Possess the National Consciousness of an American"*, in: <https://cis.org/Possess-National-Consciousness-American-Louis-Brandeis-July-4-1915>, truy cập ngày 3/4/2022.
2. Brandeis, Louis (2015b), *Possess the National Consciousness of an American*, July 4, in: <https://cis.org/Possess-National-Consciousness-American-Louis-Brandeis-July-4-1915>, truy cập ngày 6/4/2022.
3. Cuong, Bui The and Vuong Xuan Tinh (2000), *Health and Education Needs of Ethnic Minorities in the Greater Mekong Sub-Region*, Vietnam Country Report, ADB, TA No. 5794-REG.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư* (2011), Tập II, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Bế Viết Đăng (Chủ biên, 1996), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*, Nxb. Chính trị quốc gia và Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Bùi Xuân Đính (2020), “Ý thức quốc gia - dân tộc: Suy nghĩ và hành động của một số vị vua quan thời phong kiến”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2019), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 169-182.
7. Fonte, John (2015), *To "Possess the National Consciousness of an American"*, Center for Immigration Studies, in: <https://cis.org/Possess-National-Consciousness-American-Louis-Brandeis-July-4-1915> (Truy cập ngày 6/4/2022).
8. Trần Hưng (2022), *Điểm lại những lần quân Việt tiến đánh Trung Quốc*, trên trang <https://trithucvn.org/van-hoa/diem-lai-nhung-lan-quan-viet-tien-danh-trung-quoc-lich-su.html>, truy cập ngày 3/1/2022.
9. Nurdin, Encep Syarief and Asep Dahliyana (2017), “Civic Education as Patriotism Education in Indonesia”, in: *Proceedings of the 2nd International Conference on Sociology Education* (ICSE 2017), Volume 1, pp. 427-431.
10. Osman, Shani and Eric Gyasi Mensah (2020), “Fostering National Unity and National Consciousness in Ghana through Social Studies Education”, *Social Education Research*, Volume 1, Issue 2/187, pp. 187–199
11. Ryan, Mary E. and Tony Rossi (2006), “National Education as a ‘Civics’ Literacy in a Globalized World: The Challenges Facing Education in Singapore”, *Discourse: Studies in the Cultural Politics of Education*, Vol. 27 (2), pp. 161-174.

12. Sim, Jasmine Boon-Yee and Murray Print (2005), “Citizenship Education and Social Studies in Singapore: A National Agenda”, *International Journal of Citizenship and Teacher Education*, Vol 1, No. 1, pp. 58-73.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang (2020), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ cơ bản trong năm học 2019-2020*, Báo cáo trong buổi làm việc giữa tỉnh Hà Giang với Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, ngày 17/2 tại tỉnh Hà Giang.

14. Tarvin, W. L. & Faraj, A. H. (1989), “National-Consciousness Goals and Realities in South and East Asian Education”, *McGill Journal of Education*, Vol. 24, No. 3, pp. 237-252.

15. Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên, 2012), *Một số vấn đề về chính sách giáo dục ở vùng cao miền núi phía Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

16. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Vương Xuân Tình (2015), “Tổng quan chính sách dân tộc ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 17-27.

18. Vương Xuân Tình (2019), “Về dân tộc, ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị dân tộc học quốc gia năm 2018), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 25-48.

19. Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh (2021), “Nghiên cứu quan hệ dân tộc: Một số vấn đề lý luận từ góc nhìn về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người vùng biên giới”, trong Viện Dân tộc học: *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 83-115.